

Số: **2360**/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày **02** tháng **12** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa lớn
định kỳ ĐT756 đoạn Km0+000-Km4+100 và ĐT756C
đoạn Km0+000-Km10+400 tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-QBTĐBTW ngày 27/8/2013 của Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương về việc phân chia nguồn 35% thu phí ô tô từ Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương cho các Quỹ Bảo trì đường bộ địa phương năm 2013

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1377/TTr - SKHĐT ngày 22/11/2013, theo Tờ trình số 187/S.GTVT-TTr ngày 12/11/2013 của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT756 đoạn Km0+000-Km4+100 và ĐT756C đoạn Km0+000-Km10+400 tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT756 đoạn Km0+000-Km4+100 và ĐT756C đoạn Km0+000-Km10+400 tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Nguyễn Hoàng.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Phạm Hồng Anh.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình nhằm sửa chữa kịp thời sự hư hỏng xuống cấp, bảo đảm tính bền vững của công trình, đảm bảo an toàn cho việc giao thông trên tuyến đường. Đáp ứng cho nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

6. Nội dung, quy mô đầu tư: Sửa chữa lớn đoạn tuyến đường của công trình hiện hữu, gồm các nội dung như sau:

a) Quy mô, thông số kỹ thuật chủ yếu: Đường thiết kế theo TCVN 4054-2005, đường cấp IV, cấp kỹ thuật 40, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chiều dài tuyến: 14,5km.

- Chiều rộng nền, mặt đường: Theo chiều rộng nền, mặt đường hiện hữu (nền đường rộng 8m, mặt đường rộng 6m).

- Tải trọng thiết kế công trình: Tải trọng trục xe 10T.

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Kết cấu mặt đường: Cấp cao A2 (Láng nhựa).

b) Giải pháp kỹ thuật:

- Kết cấu mặt đường đoạn mặt đường bị rạn nứt, bong tróc:

+ Láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3,0 kg/m².

+ Mặt đường láng nhựa hiện hữu.

- Kết cấu mặt đường tại những vị trí dậm vá, sửa chữa ổ gà:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5 kg/m².

+ Tưới nhựa dính bám mặt đường, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m².

+ Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 25cm, E_≥140Mpa.

+ Đào bỏ phần kết cấu đá 4x6 và lớp láng nhựa hiện hữu.

- Kết cấu mặt đường tại những vị trí xử lý nền đường nguyên nhân do nền đường bị ngấm nước:

- + Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5 kg/m².
- + Tưới nhựa dính bám mặt đường, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m².
- + Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 25cm, E_≥140Mpa.
- + Đắp đất cấp III dày 35cm, lu lèn K_≥0,98.
- + Lớp vải địa kỹ thuật.
- + Đào bỏ phần kết cấu đá 4x6 và lớp láng nhựa hiện hữu.

c) Khối lượng sửa chữa:

- Vá mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm dày 25cm: 8438m².
- Đào đất cấp III nền đường: 302m³.
- Trải lớp sỏi đỏ dày 35cm: 176m³.
- Tưới nhựa dính bám mặt đường, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²: 8438m².
- Làm mặt đường láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m²: 8438m².
- Làm mặt đường láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn nhựa 3,0 kg/m²: 24960m².
- Trải vải địa kỹ thuật: 810m².

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích sử dụng đất: Theo tuyến công trình hiện hữu.

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Sửa chữa công trình hiện hữu.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không.

12. Tổng mức đầu tư: 7.834.012.954 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.560.461.641 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 134.728.026 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 369.457.077 đồng
- Chi phí khác: 89.341.559 đồng
- Chi phí dự phòng: 680.024.651 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2013 - 2014.

16. Kế hoạch đấu thầu: Kèm theo Quyết định này.

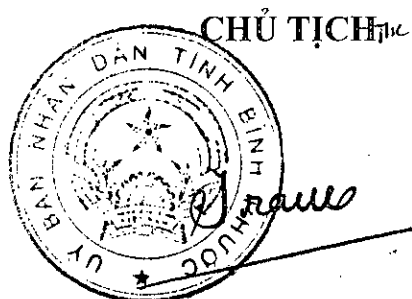
Điều 2. Sở Giao thông vận tải là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch

UBND huyện Chơn Thành, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT, (Nghĩa: 03.12)_{2k}



Nguyễn Văn Trầm

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BÁO CÁO KTKT

Công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT756 đoạn Km0+000-Km4+100 và ĐT756C đoạn Km0+000-Km10+400 tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước)

| STT | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức đấu thầu | Thời gian lựa chọn nhà thầu | Hình thức hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|--|
| I | Xây lắp | | | | | | | | |
| 1 | Sửa chữa lớn định kỳ ĐT756 đoạn Km0+000-Km4+100 và ĐT756C đoạn Km0+000-Km10+400 tỉnh Bình Phước | 6.560.461.641 | Vốn Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương | Đấu thầu rộng rãi | 1 túi hồ sơ | Năm 2013 | Theo đơn giá cố định | 30 ngày | |
| II | Mua sắm hàng hoá | | | | | | | | |
| 1 | Bảo hiểm công trình. | 27.553.939 | | Chỉ định thầu | | Năm 2013 | Trộn gói | Theo thời gian thi công | |
| III | Dịch vụ tư vấn | | | | | | | | |
| 1 | Lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp. | 17.713.246 | | Chỉ định thầu | | Năm 2013 | Trộn gói | 10 ngày | |
| 2 | Giám sát thi công gói thầu xây lắp. | 168.079.027 | | Chỉ định thầu | | Năm 2013 | Theo tỷ lệ % | Theo thời gian thi công | |
| 3 | Kiểm toán công trình | 39.362.770 | Chỉ định thầu | | Năm 2014 | Trộn gói | 20 ngày | | |

